

Mã đề thi: 350

Họ và tên học sinh:.....

Câu 1: Biết X, Y, R, A, B theo thứ tự là 5 nguyên tử của 5 nguyên tố liên tiếp nhau trong bảng tuần hoàn, có tổng số proton là 90. Dãy nào sau đây sắp xếp theo chiều tăng dần bán kính hạt?

- A. R, X²⁻, Y⁻, A⁺, B²⁺. B. B²⁺, A⁺, R, Y⁻, X²⁻. C. X²⁻, Y⁻, R, A⁺, B²⁺. D. R, A⁺, B²⁺, Y⁻, X²⁻.

Câu 2: Cho 32,48 gam M_xO_y phản ứng hoàn toàn với CO ở nhiệt độ cao. Sản phẩm thu được cho vào dung dịch Ba(OH)₂ dư thu được 110,32 gam kết tủa. Vậy M_xO_y là

- A. CuO. B. FeO. C. Fe₃O₄. D. ZnO.

Câu 3: Hoà tan hoàn toàn 9,52 gam hỗn hợp gồm Fe₃O₄ và FeS₂ trong dung dịch HNO₃ đặc dư thu được 1,568 lít khí NO₂ (đktc) và dung dịch X. Cho dung dịch X phản ứng với Ba(OH)₂ dư, lọc kết tủa nung trong không khí đèn khói lượng không đổi thu được khói lượng chất rắn là

- A. 0,932 gam. B. 13,054 gam. C. 12,734 gam. D. 10,692 gam.

Câu 4: Khi cho Fe dư vào mỗi dung dịch chứa một trong những chất sau đây đến phản ứng hoàn toàn: FeCl₃, AlCl₃, CuSO₄, Pb(NO)₃, NaCl, HCl, NH₄NO₃, HNO₃ loãng, H₂SO₄ đặc ngoại. Số trường hợp sau phản ứng thu được muối Fe(II) là

- A. 4. B. 6. C. 3. D. 5.

Câu 5: Khí nào thỏa mãn tất cả các tính chất: Tạo kết tủa với dung dịch AgNO₃, làm mất màu dung dịch KMnO₄, không tồn tại trong một hỗn hợp với SO₂, tác dụng được với nước clo.

- A. CO₂. B. NH₃. C. C₂H₂. D. H₂S.

Câu 6: Để khử hoàn toàn 45 gam hỗn hợp gồm CuO, FeO, Fe₃O₄, Fe₂O₃, Fe và MgO cần dùng vừa đủ 8,4 lít khí CO (đktc). Khối lượng chất rắn thu được sau phản ứng là

- A. 38 gam. B. 39 gam. C. 24 gam. D. 42 gam.

Câu 7: A là hỗn hợp khí gồm N₂ và H₂ có tỷ khối so với oxi bằng 0,225. Dẫn A vào bình có Ni đun nóng, phản ứng tổng hợp amoniac xảy ra thì thu được hỗn hợp khí B có tỷ khối so với oxi bằng 0,25. Hiệu suất của quá trình tổng hợp NH₃ là

- A. 30%. B. 25%. C. 15%. D. 20%.

Câu 8: Cho các dung dịch muối NH₄HCO₃, Na₂CO₃, (NH₄)₂CO₃ có cùng nồng độ mol. Sắp xếp các dung dịch này theo thứ tự giá trị pH tăng dần.

- A. (NH₄)₂CO₃ < NH₄HCO₃ < Na₂CO₃. B. NH₄HCO₃ < (NH₄)₂CO₃ < Na₂CO₃.
C. Na₂CO₃ < NH₄HCO₃ < (NH₄)₂CO₃. D. (NH₄)₂CO₃ < Na₂CO₃ < NH₄HCO₃.

Câu 9: Độ tan của MgSO₄ trong nước ở 20°C là 35,5 gam và ở 50°C là 50,4 gam. Đun nóng 400 gam dung dịch MgSO₄ bão hòa ở 20°C đến 50°C thì khối lượng muối MgSO₄ cần hòa tan thêm để tạo dung dịch muối bão hòa ở 50°C là

- A. 43,98 gam. B. 120,16 gam. C. 34,84 gam. D. 59,60 gam.

Câu 10: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp X gồm axitilen, etilen và hiđrocacbón A thu được CO₂ và H₂O theo tỉ lệ mol 1:1. Dẫn X đi qua bình đựng brom dư thấy khối lượng bình tăng lên 0,82gam, khí thoát ra khỏi bình đem đốt cháy hoàn toàn thu được 1,32gam CO₂ và 0,72gam H₂O. Phần trăm thể tích của A trong X là

- A. 33,33%. B. 25%. C. 50%. D. 75%.

Câu 11: Cho các chất: H₂S, S, NO₂, Cl₂, KClO₃, F₂, O₂. Số chất vừa có thể đóng vai trò là chất khử, vừa đóng vai trò là chất oxi hóa trong các phản ứng oxi hóa - khử là

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6.

Câu 12: Nhận xét nào sau đây là đúng?

- A. Dung dịch phenol làm quỳ tím hoá hồng do nó là axit yếu.
B. Etanol vào cơ thể người gây giãn mạch máu, làm cơ thể mất nhiệt và kích thích tế bào gan phát triển.
C. Đun nhẹ hỗn hợp etylbromua trong dung dịch NaOH dư đồng thời lắc đều sau đó để yên thu được hỗn hợp phân lopy.
D. Đun hỗn hợp gồm etylbromua, kali hiđroxít và etanol thấy có khí không màu bay ra.

Câu 13: Số đồng phân amin bậc 2 của C₄H₁₁N là

- A. 3 chất. B. 5 chất. C. 4 chất. D. 2 chất.

Câu 14: Cho các protein: albumin, mizoin, fibroin, keratin. Dạng tồn tại của protein nào khác với các protein còn lại?

- A. miozin. B. keratin. C. albumin. D. fibroin.

Câu 15: Cho các dung dịch muối: AlCl₃, FeCl₃, FeCl₂, ZnCl₂. Chỉ dùng một dung dịch nào sau đây nhận biết được cả 4 dung dịch trên?

- A. dung dịch NaOH. B. dung dịch NH₃. C. dung dịch AgNO₃. D. dung dịch H₂S.

Câu 16: Hợp chất hữu cơ X là một amino axit trong phân tử ngoài các nhóm cacboxyl và amino không có nhóm chúc nào khác. Cho 0,1 mol X phản ứng vừa hết với 100ml dung dịch HCl 1M tạo ra 18,35 gam muối. Một khác khi cho 22,05 gam X tác dụng với NaOH dư tạo ra 28,65 gam muối khan. Công thức phân tử X là

- A. H₂NC₄H₇(COOH)₂. B. H₂NC₃H₃(COOH)₂.
C. H₂NC₂H₃(COOH)₂. D. H₂NC₃H₅(COOH)₂.

Câu 17: Đốt cháy hoàn toàn m gam FeS_2 bằng một lượng O_2 vừa đủ, thu được khí X. Hấp thụ hết X vào 0,5 lit dung dịch chứa $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,15M và KOH 0,1M, thu được dung dịch Y và 21,7 gam kết tủa. Cho Y vào dung dịch NaOH , thấy xuất hiện thêm kết tủa. Giá trị của m là

A. 11,6.

B. 6,0.

C. 9,0.

D. 12,0.

Câu 18: Có 5 ống nghiệm chứa 5 dung dịch: $\text{Ba}(\text{NO}_3)_2$, H_2SO_4 , NaOH , HCl và $\text{Ba}(\text{OH})_2$. Chỉ dùng thêm một thuốc thử có thể nhận biết được các dung dịch trên, thuốc thử đó có thể là

A. dung dịch Na_2CO_3 .

B. dung dịch HCl .

C. dung dịch BaCl_2 .

D. giấy quì tim.

Câu 19: Đốt cháy hoàn toàn 1,12lit (đktc) 1 hiđrocacbon A. Toàn bộ sản phẩm hấp thụ vào dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư, tạo thành 29,55g kết tủa và khối lượng dung dịch giảm 19,35gam. Công thức phân tử của A là

A. C_3H_4 .

B. C_3H_6 .

C. CH_4 .

D. C_3H_8 .

Câu 20: Dung dịch X chứa 0,05 mol CO_3^{2-} ; 0,2 mol Na^+ ; 0,6 mol Br^- ; x mol NH_4^+ . Cho 1,08 lit dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1 M vào dung dịch X và đun nóng nhẹ (giả sử nước bay hơi không đáng kể). Khối lượng phần dung dịch giảm tối đa so với tổng khối lượng của 2 dung dịch đem trộn là

A. 11,686 gam.

B. 14,950 gam.

C. 19,350 gam.

D. 13,522 gam.

Câu 21: Cho A, B, C, D là kí hiệu của 4 chất $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$. Biết rằng B và D có phản ứng với NaOH , hiđro hóa D thu được B, ở điều kiện thích hợp oxi hóa C thu được D. Vậy A, B, C, D lần lượt là

A. $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$.

C. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$.

B. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$.

D. $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}$, $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$, $\text{C}_3\text{H}_4\text{O}_2$.

Câu 22: Cho phản ứng: $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7 + \text{K}_2\text{SO}_3 + \text{KHSO}_4 \rightarrow \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{Cr}_2(\text{SO}_4)_3 + \text{H}_2\text{O}$. Sau khi cân bằng tổng các hệ số (nguyên, tối giản) của phương trình thu được là

A. 19.

B. 41.

C. 21.

D. 25.

Câu 23: Khi khảo sát phản ứng: $\text{H}_2(k) + \text{Br}_2(k) \leftrightarrow 2\text{HBr}(k)$ tại hai nhiệt độ là T_1 và T_2 ($T_1 < T_2$), thấy hằng số cân bằng hóa học theo nồng độ có trị số tương ứng là K_1 và K_2 với $K_2 < K_1$. Vậy phản ứng theo chiều thuận là

A. toả nhiệt

B. đặng nhiệt

C. thu nhiệt

D. Có thể tỏa nhiệt hoặc thu nhiệt.

Câu 24: Cho m (g) hỗn hợp Al và Fe vào 0,2 lit dung dịch CuSO_4 0,525 M thu được 7,84 gam chất rắn A gồm 2 kim loại. Cho A vào dung dịch HNO_3 2M dư thu được sản phẩm khử là NO duy nhất. Số lit dung dịch HNO_3 2M đã tham gia phản ứng là

A. 0,18.

B. 0,135.

C. 0,17.

D. 0,33.

Câu 25: Khi làm lạnh 500ml dung dịch CuSO_4 25% ($d = 1,2 \text{ g/ml}$) thì được 50gam $\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$ kết tinh lại. Lọc bỏ muối kết tinh rồi dẫn 11,2 lit khí H_2S (đktc) qua nước lọc. Nồng độ phần trăm của CuSO_4 còn lại trong dung dịch sau phản ứng là

A. 7,32%.

B. 8,14%.

C. 6,98%.

D. 8,44%.

Câu 26: Đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp A gồm 2 ankin X, Y. Hấp thụ toàn bộ sản phẩm cháy vào 4,5 lit dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ 0,02M thu được kết tủa và khối lượng phần dung dịch tăng 3,78 gam so với ban đầu. Cho dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ vừa đủ vào dung dịch thu thêm kết tủa. Tổng khối lượng kết tủa 2 lần là 18,85 gam. Biết rằng số mol X bằng 60% tổng số mol của X và Y có trong hỗn hợp A. Các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Công thức của X, Y lần lượt là

A. C_3H_4 và C_4H_6 .

B. C_2H_2 và C_4H_6 .

C. C_2H_2 và C_3H_4 .

D. C_4H_6 và C_2H_2 .

Câu 27: Nhiệt phản ứng AgNO_3 đến phản ứng hoàn toàn được chất rắn X và khí Y. Dẫn khí Y vào nước được dung dịch Z. Cho toàn bộ X vào Z thấy X tan một phần và thoát ra khí NO duy nhất. Giả thiết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Phần trăm khối lượng của X không tan trong Z là

A. 20%.

B. 25%.

C. 30%.

D. 40%.

Câu 28: Dẫn khí CO dư đi qua a gam hỗn hợp X gồm Fe và Fe_2O_3 ở nhiệt độ cao đến phản ứng hoàn toàn thu được 11,2 gam Fe. Mặt khác hòa tan hết a gam hỗn hợp X bằng dung dịch HCl 1M đến phản ứng hoàn toàn thu được 1,12 lit khí (đktc). Thể tích dung dịch HCl tối thiểu đã dùng là

A. 1 lít.

B. 0,6 lít.

C. 0,55 lít.

D. 0,4 lít.

Câu 29: Nhiệt phản ứng gồm NH_4NO_3 , $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$, AgNO_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$ đến phản ứng hoàn toàn thì chất rắn thu được sau phản ứng là

A. CuO , Fe_2O_3 , Ag_2O .

B. CuO , Fe_2O_3 , Ag.

C. CuO , FeO , Ag.

D. NH_4NO_2 , Cu, Ag, FeO .

Câu 30: Trộn các cặp dung dịch sau đây: AlCl_3 với $\text{Ca}(\text{OH})_2$; NaAlO_2 với HNO_3 ; $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$ với NH_3 ; CO_2 với $\text{Ba}(\text{AlO}_2)_2$; NaAlO_2 với NH_4Cl ; AlCl_3 với Na_2CO_3 . Số cặp dung dịch đen trộn có thể tạo thành $\text{Al}(\text{OH})_3$ là

A. 6.

B. 5.

C. 4.

D. 3.

Câu 31: Cho các este: vinyl axetat, vinyl benzoat, etyl axetat, isoamyl axetat, phenyl axetat, anyl axetat. Số este có thể được điều chế trực tiếp bằng phản ứng của axit và rượu tương ứng (có H_2SO_4 đặc xúc tác) là

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 5.

Câu 32: Cho 25,8 gam A gồm Al và Al_2O_3 phản ứng với dung dịch HCl dư thu được 80,1 gam muối khan. Nếu cho 25,8 gam hỗn hợp A ở trên phản ứng hết với dung dịch HNO_3 thu được dung dịch chứa 130,8 gam muối và thể tích khí N_2 (duy nhất) ở đktc là

A. 4,48 lít.

B. 4,172 lít.

C. 0,672 lít.

D. 1,334 lít.

Câu 33: Nguyên tố X là phi kim thuộc phân nhóm chính trong bảng tuần hoàn. Tỉ lệ giữa % X trong oxit cao nhất và % X trong hợp chất khí với hiđro bằng 0,5955. Cho 4,05 gam một kim loại M tác dụng hết với đơn chất X thu được 40,05gam muối. Công thức của muối có thể là

A. CaCl_2 .

B. Al_2S_3 .

C. MgBr .

D. AlBr_3 .

Câu 34: Cho các chất: NaHSO_4 , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, NaHCO_3 , H_2O , Al_2O_3 , $\text{Al}(\text{OH})_3$, $\text{CH}_3\text{COONH}_4$, NH_3 . Theo thuyết axit-bazo, số chất có tính chất lưỡng tính là

A. 4.

B. 7.

C. 5.

D. 6.

Câu 35: Theo danh pháp IUPAC ancol $(\text{CH}_3)_2\text{C}=\text{CHCH}_2\text{OH}$ có tên gọi là

A. pent-2-en-1-ol.

B. 2-metylbut-2-en-4-ol.

C. 3-methylbut-2-en-1-ol.

D. ancol iso-pent-2-en-1-yllic.

Câu 36: Phản ứng nào không thể hiện tính khử của glucozo?

A. Phản ứng tráng gương glucozo.

B. Cho glucozo cộng H_2 ($\text{Ni}, \text{t}^\circ$).

C. Cho glucozo tác dụng với $\text{Cu}(\text{OH})_2/\text{NaOH}$.

D. Cho glucozo tác dụng với nước brôm.

Câu 37: Nhóm vật liệu nào sau đây được tạo ra từ polyme thiên nhiên?

A. Nhựa bakelit, tơ tằm, tơ axetat.

B. Tơ visco, tơ tằm, caosu buna, keo dán gỗ.

C. Tơ visco, cao su isopren, keo dán gỗ, nilon-6.

D. Tơ visco, tơ tằm, phim ảnh.

Câu 38: Hoà tan hết m gam kim loại M bằng dung dịch H_2SO_4 loãng, rồi cô cạn dung dịch sau phản ứng thu được 5m gam muối khan. Kim loại M là

A. Al.

B. Mg.

C. Zn.

D. Fe.

Câu 39: Đốt m gam hỗn hợp 3 kim loại Cu, Fe, Al trong bình chứa oxi dư đến phản ứng hoàn toàn thu được $(m + 8)$ gam chất rắn. Nếu hòa tan hết m gam 3 kim loại trên trong dung dịch H_2SO_4 đặc nóng thì thể tích khí SO_2 thoát ra (đktc) là

A. 1,12lít.

B. 2,24 lít.

C. 11,2 lít.

D. 8,96 lít.

Câu 40: Cho các chất sau đây: FeS , FeS_2 , Cu_2S , FeSO_4 , H_2S , Ag, Fe, KMnO_4 , MgSO_3 , Fe(OH)_2 . Số chất có thể phản ứng với H_2SO_4 đặc, nóng tạo ra SO_2 là

A. 9.

B. 10.

C. 7.

D. 8.

Câu 41: Ankan X có khối lượng mol phân tử nhỏ hơn 120 gam. Khi cho X tác dụng với Clo có chiếu sáng chỉ thu được một sản phẩm là dẫn xuất mono clo duy nhất. Số chất thỏa mãn tính chất của X là

A. 3

B. 2

C. 5

D. 4.

Câu 42: Dãy nào sau đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần nhiệt độ sôi?

A. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$, CH_3COOH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$.

B. $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH .

C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH .

D. $\text{C}_2\text{H}_5\text{Cl}$, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$, CH_3COOH , $\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 43: Cho 0,15 mol $\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_4$ (chỉ chứa chức este trong phân tử) phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH thu được 24,6 gam muối của axit hữu cơ. Ancol tạo ra este đó là

A. etanol.

B. propan diol.

C. etylen glicol.

D. metanol và etanol.

Câu 44: Phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Dung dịch mantozo có tính khử vì có thể mở vòng tạo thành nhóm anđehit.

B. Tinh bột và xenlulozo không thể hiện tính khử vì trong phân tử không có nhóm $-\text{OH}$ hemiaxetal tự do.

C. Tinh bột có phản ứng màu với iot vì có cấu trúc vòng xoắn đặc biệt.

D. Phân tử fructozo có nhóm chức xeton nên có thể phân biệt glucozo và fructozo bằng dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$.

Câu 45: Cho dãy biến hóa sau: Xiclo propan $\xrightarrow{\text{Br}_2} X_1 \xrightarrow{\text{ddNaOH}, \text{t}^\circ} X_2 \xrightarrow{\text{CuO}, \text{t}^\circ} X_3$

Khi cho 0,1 mol chất X_3 tác dụng với AgNO_3 dư trong dung dịch NH_3 , đun nóng thì thu được khối lượng Ag là

A. 43,2 gam

B. 21,6 gam

C. 10,8 gam

D. 32,4 gam

Câu 46: Nhận định nào sau đây không đúng?

A. Các kim loại Na, Ba, K, Al đều có cấu tạo mạng tinh thể lập phương tâm khói.

B. Có thể dùng các dung dịch Na_2CO_3 , $\text{Ca}(\text{OH})_2$, Na_3PO_4 để làm mềm nước cứng.

C. CrO_3 là một oxit axit, muối cromat và dicromat có tính oxi hoá mạnh.

D. Phương pháp điện phân có thể điều chế được hầu hết các kim loại như Li, Na, ... Fe, Cu, Ag.

Câu 47: Tính khối lượng axit axetic chứa trong giấm ăn thu được khi cho lên men 0,5 lít rượu etylic 8° , biết rằng khối lượng riêng của rượu etylic nguyên chất là 0,8g/ml và giả sử phản ứng lên men giấm đạt hiệu suất 100%.

A. 0,0417gam.

B. 41,739gam.

C. 0,0834gam.

D. 83,74gam.

Câu 48: Cho luồng H_2 đi qua 0,8 gam CuO nung nóng. Sau phản ứng thu được 0,672gam chất rắn. Hiệu suất khử CuO thành Cu là

A. 60%.

B. 80%.

C. 75%.

D. 90%.

Câu 49: Một hỗn hợp oxi và ozon chứa trong bình kín dung tích không đổi sau một thời gian ozon bị phân hủy hoàn toàn thấy áp suất trong bình tăng 10% (nhiệt độ không đổi). Phần trăm thể tích ozon có trong hỗn hợp ban đầu là

A. 5%.

B. 7,5%.

C. 20%.

D. 10%.

Câu 50: Dẫn V lít CO_2 đi qua 1 lít dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ 0,02M thu được 1,2 gam kết tủa, lọc bỏ kết tủa thu được dung dịch X. Đun nóng dung dịch X lại thu được kết tủa nữa. Nếu cho $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư vào dung dịch X thì khói lượng kết tủa thu được là

A. 2,376 gam.

B. 3,152 gam.

C. 5,516 gam.

D. 1,576 gam.

Cho: $\text{H} = 1$; $\text{Li} = 7$; $\text{Be} = 9$; $\text{C} = 12$; $\text{N} = 14$; $\text{O} = 16$; $\text{Na} = 23$; $\text{Mg} = 24$; $\text{Al} = 27$; $\text{S} = 32$; $\text{Cl} = 35,5$; $\text{K} = 39$; $\text{Ca} = 40$; $\text{Mn} = 55$; $\text{Fe} = 56$; $\text{Cu} = 64$; $\text{Zn} = 65$; $\text{Rb} = 85$; $\text{Sr} = 88$; $\text{Ag} = 108$; $\text{Cs} = 133$; $\text{Ba} = 137$; $\text{N}_A = 6,02 \cdot 10^{23}$.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHTN

Trường THPT Chuyên KHTN

†:

ĐÁP ÁN BÀI KIỂM TRA KIẾN THỨC MÔN HÓA HỌC LỚP 12 – 1011

Ngày thi: 27-02-2011

Mã đề thi: 318

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: B. | Câu 2: D. | Câu 3: A. | Câu 4: A. | Câu 5: A. |
| Câu 6: B. | Câu 7: C. | Câu 8: C. | Câu 9: B. | Câu 10: D. |
| Câu 11: C. | Câu 12: B. | Câu 13: D. | Câu 14: C. | Câu 15: D. |
| Câu 16: D. | Câu 17: A. | Câu 18: A. | Câu 19: D. | Câu 20: C. |
| Câu 21: A. | Câu 22: C. | Câu 23: A. | Câu 24: D. | Câu 25: D. |
| Câu 26: D. | Câu 27: B. | Câu 28: A. | Câu 29: C. | Câu 30: A. |
| Câu 31: B. | Câu 32: D. | Câu 33: B. | Câu 34: B. | Câu 35: A. |
| Câu 36: B. | Câu 37: C. | Câu 38: B. | Câu 39: D. | Câu 40: B. |
| Câu 41: B. | Câu 42: D. | Câu 43: D. | Câu 44: B. | Câu 45: B. |
| Câu 46: A. | Câu 47: D. | Câu 48: C. | Câu 49: C. | Câu 50: B. |

Mã đề thi: 350

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: B. | Câu 2: C. | Câu 3: D. | Câu 4: A. | Câu 5: D. |
| Câu 6: B. | Câu 7: B. | Câu 8: B. | Câu 9: A. | Câu 10: B. |
| Câu 11: C. | Câu 12: B. | Câu 13: A. | Câu 14: C. | Câu 15: B. |
| Câu 16: D. | Câu 17: C. | Câu 18: D. | Câu 19: D. | Câu 20: D. |
| Câu 21: C. | Câu 22: D. | Câu 23: A. | Câu 24: A. | Câu 25: A. |
| Câu 26: B. | Câu 27: B. | Câu 28: D. | Câu 29: B. | Câu 30: A. |
| Câu 31: B. | Câu 32: C. | Câu 33: D. | Câu 34: D. | Câu 35: C. |
| Câu 36: B. | Câu 37: D. | Câu 38: B. | Câu 39: C. | Câu 40: A. |
| Câu 41: D. | Câu 42: D. | Câu 43: C. | Câu 44: D. | Câu 45: A. |
| Câu 46: A. | Câu 47: B. | Câu 48: B. | Câu 49: C. | Câu 50: A. |

Mã đề thi: 372

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: D. | Câu 2: D. | Câu 3: B. | Câu 4: A. | Câu 5: B. |
| Câu 6: C. | Câu 7: A. | Câu 8: B. | Câu 9: B. | Câu 10: B. |
| Câu 11: A. | Câu 12: B. | Câu 13: C. | Câu 14: D. | Câu 15: D. |
| Câu 16: D. | Câu 17: B. | Câu 18: C. | Câu 19: D. | Câu 20: C. |
| Câu 21: A. | Câu 22: A. | Câu 23: B. | Câu 24: C. | Câu 25: A. |
| Câu 26: D. | Câu 27: A. | Câu 28: B. | Câu 29: D. | Câu 30: C. |
| Câu 31: D. | Câu 32: D. | Câu 33: C. | Câu 34: C. | Câu 35: A. |
| Câu 36: C. | Câu 37: D. | Câu 38: B. | Câu 39: B. | Câu 40: B. |
| Câu 41: C. | Câu 42: A. | Câu 43: B. | Câu 44: B. | Câu 45: A. |
| Câu 46: D. | Câu 47: D. | Câu 48: A. | Câu 49: B. | Câu 50: D. |

Mã đề thi: 394

- | | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| Câu 1: A. | Câu 2: D. | Câu 3: B. | Câu 4: B. | Câu 5: B. |
| Câu 6: A. | Câu 7: B. | Câu 8: B. | Câu 9: C. | Câu 10: D. |
| Câu 11: C. | Câu 12: B. | Câu 13: D. | Câu 14: C. | Câu 15: D. |
| Câu 16: D. | Câu 17: D. | Câu 18: C. | Câu 19: B. | Câu 20: A. |
| Câu 21: A. | Câu 22: A. | Câu 23: B. | Câu 24: B. | Câu 25: D. |
| Câu 26: C. | Câu 27: A. | Câu 28: C. | Câu 29: D. | Câu 30: A. |
| Câu 31: D. | Câu 32: D. | Câu 33: C. | Câu 34: C. | Câu 35: B. |
| Câu 36: B. | Câu 37: A. | Câu 38: B. | Câu 39: C. | Câu 40: D. |
| Câu 41: D. | Câu 42: A. | Câu 43: A. | Câu 44: B. | Câu 45: B. |
| Câu 46: B. | Câu 47: A. | Câu 48: D. | Câu 49: D. | Câu 50: C. |

†: